

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG
VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 372/NL&MT-NLTT

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2024

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

V/v Cung cấp rác công nghiệp loại 5 sử dụng làm nhiên liệu thay thế năm 2024

Kính gửi:

Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM xin được gửi lời chào trân trọng và hợp tác tới Quý Khách hàng.

Để phục vụ cho kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024, Công ty chúng tôi có nhu cầu mua rác công nghiệp loại 5 sử dụng làm nhiên liệu thay thế năm 2024.

Chúng tôi mong muốn nhận được sự hợp tác của Quý khách hàng trong việc cung cấp rác công nghiệp loại 5 sử dụng làm nhiên liệu thay thế năm 2024.

Đề nghị Quý khách hàng quan tâm lập Hồ sơ chào giá, theo yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá kèm số lượng 01 bộ (bản gốc) được đại diện hợp pháp của khách hàng ký tên đóng dấu:

Hồ sơ chào giá được đóng trong phong bì kín (niêm phong) gửi theo đường công văn tới Bộ phận văn thư của Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM (địa chỉ: số 21B, phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội).

Thời hạn nộp thư chào giá: trước 15h ngày 22/03/2024.

Thời gian hiệu lực thư chào giá 45 ngày kể từ ngày hết hạn nộp thư chào giá.

Trân trọng cảm ơn Quý Khách hàng!

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Trịnh Công Giang

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM**



HỒ SƠ MỜI CHÀO GIÁ

**CUNG CẤP RÁC CÔNG NGHIỆP LOẠI 5 SỬ DỤNG LÀM NHIÊN
LIỆU THAY THẾ NĂM 2024**

Đơn vị mời chào giá: Công ty cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM
Địa chỉ: 21B Cát Linh, phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP Hà Nội.
Điện thoại: 024.3845.7328 Fax: 024.3845.7186

Hà Nội, tháng 03 năm 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHẦN I: YÊU CẦU HỒ SƠ CHÀO GIÁ

A. CÁC YÊU CẦU LẬP HỒ SƠ CHÀO GIÁ

I. Yêu cầu tài liệu chứng minh tư cách pháp lý

1. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*bản sao*).
2. Hạch toán kinh tế độc lập.
3. Có cam kết không đang trong quá trình giải thể, không bị đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật (*bản chính*).

II. Yêu cầu tài liệu chứng minh năng lực, kỹ thuật:

1. Hợp đồng tương tự: có tối thiểu 01 hợp đồng cung cấp rác công nghiệp loại 5 sử dụng làm nhiên liệu thay thế (*bản sao hợp đồng có dấu sao y bản chính*)
2. Chỉ tiêu kỹ thuật:

STT	Chỉ tiêu chất lượng	Đơn vị tính	Giá trị yêu cầu
1	Hàm lượng ẩm toàn phần, W^{tp}	%	
	- Dùng để nhập hàng	%	$\leq 8,0$
	- Dùng để tính hàng	%	0
2	Trị số tỏa nhiệt toàn phần khô, $Q^{k_{gr}}$	Kcal/Kg	≥ 4.500
3	Lưu huỳnh chung khô (*)	%	≤ 3
4	Hàm lượng Cl(*)	%	≤ 3
5	Kích thước $\leq 100*50*5$ mm	%	$\geq 95\%$
	Kích thước $\leq 150*50*5$ mm	%	100

* Rác công nghiệp loại 5 (vải vụn, bông, sợi, giấy vụn, nhựa vụn, cao su vụn, nút xốp, lót giày... đã qua nghiền sơ chế) được đóng gói đảm bảo không phát tán trong quá trình vận chuyển, đảm bảo tiêu chuẩn không là chất thải nguy hại, không lẫn kim loại, bê tông, chất thải sinh hoạt, chất thải y tế, chất gây cháy nổ...

3. Nguồn gốc hàng hóa: Việt Nam.
4. Địa điểm giao hàng: tại kho/bãi Công ty cổ phần xi măng Vicem Bút Sơn (địa chỉ: xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam).

III. Yêu cầu về quy cách và phương thức giao nhận hồ sơ chào giá:

- Hồ sơ chào giá được giao nhận trực tiếp tại bộ phận văn thư của Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM hoặc chuyển qua đường bưu điện theo địa chỉ: số 21B, phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, trước 15h ngày 22/03/2024.

- Hiệu lực thư chào giá: Tối thiểu 45 ngày kể từ ngày hết hạn nộp thư chào giá.

- Hồ sơ chào giá phải được đóng dấu gắn xi niêm phong trên bao bì và ghi rõ: **“Hồ sơ chào giá cung cấp rác công nghiệp loại 5 sử dụng làm nhiên liệu thay thế năm 2024”**.

B. NỘI DUNG THƯ CHÀO GIÁ

1. Thông tin cơ bản

- Bên mời chào giá: Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM.
- Nguồn vốn: Vốn sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: năm 2024.
- Loại hợp đồng: theo đơn giá điều chỉnh;
- Tổng khối lượng:

STT	Tên hàng hóa	Khối lượng dự kiến (tấn)
1	rác công nghiệp loại 5	12.000

2. Nội dung đơn giá chào:

STT	Tên hàng hóa	Đơn giá chào (đồng/tấn) (Đã bao gồm thuế VAT)
1	rác công nghiệp loại 5	

(Bảng chữ:.....)

PHẦN II: TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ CHÀO GIÁ

I. Đánh giá tính hợp lệ của Hồ sơ chào giá

Hồ sơ chào giá của đơn vị cung cấp được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau:

1. Có thư chào giá được đại diện hợp pháp của đơn vị khách hàng ký tên đóng dấu.
2. Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*bản sao*)
3. Có cam kết không đang trong quá trình giải thể, không bị đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật (*bản chính*)
4. Giá chào ghi trong hồ sơ chào giá phải cụ thể cố định bằng số, bằng chữ không đề xuất các đơn giá chào khác nhau hoặc kèm theo điều kiện bất lợi cho bên mời chào giá và giá chào phải bằng Việt Nam đồng, đã bao gồm thuế, phí.

Hồ sơ chào giá gửi thiếu hoặc không đầy đủ một trong các yêu cầu nêu tại mục I – Đánh giá tính hợp lệ của Hồ sơ chào giá sẽ không được xem xét tiếp.

5. Hiệu lực thư chào giá: Tối thiểu 45 ngày kể từ ngày hết hạn nộp thư chào giá.

Ghi chú: Hồ sơ chào giá chỉ được xem xét và đánh giá về năng lực, kinh nghiệm khi được đánh giá là Hợp lệ

II. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm:

TT	Tiêu chuẩn	Đánh giá
1	Có hợp đồng tương tự: tối thiểu 01 hợp đồng trong vòng 3 năm trở lại đây (2021, 2022, 2023) hoặc có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2022 lớn hơn giá gói mua sắm .	Đạt
	Trái với trường hợp trên	Không đạt

Ghi chú: Hồ sơ chào giá được đánh giá là Đạt tất cả các tiêu chí quy định tại Mục II - Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm thì sẽ được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

III. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật:

Stt	Nội dung yêu cầu	Đánh giá	
		Đạt	Không đạt
1	Đặc tính, chỉ tiêu kỹ thuật của hàng hóa	Đáp ứng yêu cầu về đặc tính, chỉ tiêu kỹ thuật của hàng hóa theo yêu cầu của HS	Không chào hoặc có chào nhưng trái với điều kiện Đạt
2	Nguồn gốc xuất xứ hàng hóa	HS nêu đầy đủ nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa.	HS không nêu nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa.
3	Tiến độ cung cấp	Giao hàng nhiều đợt theo đơn đặt hàng, kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31/12/2024.	Không chào hoặc có chào nhưng trái với điều kiện Đạt
4	Địa điểm cung cấp	Kho/bãi theo chỉ định Công ty CP xi măng Vicem Bút Sơn (địa chỉ: xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam)	Không chào hoặc có chào nhưng trái với điều kiện Đạt
5	Phương thức thanh toán	Thanh toán 100% tổng giá trị của hàng hoá giao nhận mỗi tháng trong vòng 30 ngày, kể từ ngày bên mời chào giá nhận được đầy đủ chứng từ thanh toán hợp lệ.	Không chào hoặc chào nhưng có điều kiện thanh toán gây bất lợi cho Bên mời chào giá

Ghi chú: Hồ sơ chào giá được đánh giá là Đạt tất cả các tiêu chí quy định tại Mục III - Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật thì sẽ được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

IV. Tiêu chuẩn đánh giá về giá: Phương pháp giá thấp nhất

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá chào, sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có)

Bước 2. Xếp hạng nhà cung cấp: Hồ sơ chào giá có giá chào thấp nhất sau bước 1 và không cao hơn giá dự toán của Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM sẽ được mời vào thương thảo, đàm phán hợp đồng.

PHẦN III: DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

HỢP ĐỒNG

Số: /NL&MT-

V/v Mua rác công nghiệp loại 5 sử dụng làm nhiên liệu thay thế

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
 - Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
 - Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
 - Nhu cầu và khả năng của các Bên,
- Hôm nay, ngày tháng năm 2024 tại Văn phòng Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM, chúng tôi gồm có:

I. Bên A: CÔNG TY CP NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM

Địa chỉ : 21B Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại: 02.438457328.

Số tài khoản : 2221.000.4045453 – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân.

Mã số thuế : 0100106352.

Đại diện : Ông Trịnh Công Giang Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc.

- Giấy ủy quyền số 1694/UQ-NL&MT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM.

II. Bên B:

Địa chỉ :

Điện thoại số :

Số tài khoản :

Mã số thuế :

Đại diện : Chức vụ: Giám đốc.

Hai bên thống nhất ký kết và thực hiện Hợp đồng này với những điều khoản cụ thể như sau:

ĐIỀU 1. KHỐI LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG VÀ QUY CÁCH HÀNG HÓA.

Bên A đồng ý mua và bên B đồng ý bán vôi vụn đã băm chặt (Loại 5) gồm vôi vụn, nhựa vụn, cao su vụn, lót giấy... đã qua nghiền, sơ chế, để làm nhiên liệu thay thế trong sản xuất Clinker của các nhà máy xi măng thuộc Tổng công ty xi măng Việt Nam (VICEM).

1.1 Khối lượng: (theo xác báo cụ thể khối lượng từng tháng của bên A), trong đó: Vôi vụn đã băm, cắt sơ chế (Loại 5) : tấn/tháng.

1.2 Chất lượng:

Hàng hóa có các chỉ tiêu kỹ thuật như sau:

- Vôi vụn đã băm, cắt, sơ chế (Loại 5):

STT	Chỉ tiêu chất lượng	Đơn vị tính	Giá trị yêu cầu
1	Hàm lượng ẩm toàn phần, W^{tp}	%	
	- Dùng để nhập hàng	%	$\leq 8,0$
	- Dùng để tính hàng	%	0
2	Trị số tỏa nhiệt toàn phần khô, Q_{gr}^k	Kcal/Kg	≥ 4.500
3	Lưu huỳnh chung khô (*)	%	≤ 3
4	Hàm lượng Cl(*)	%	≤ 3
5	Kích thước $\leq 100*50*5$ mm	%	$\geq 95\%$
	Kích thước $\leq 150*50*5$ mm	%	100

(*) chỉ tiêu kiểm tra khi cần thiết.

1.3. Hàng hóa đảm bảo tiêu chuẩn là chất thải không nguy hại, không lẫn kim loại, các vật liệu gây nổ và rác thải sinh hoạt.

1.4. Đóng gói hàng hóa:

Bên B phải phân loại để đóng bao/đóng kiện hàng hóa theo nhóm.

- Vôi đã qua nghiền, sơ chế.

- Da giấy đã qua nghiền, sơ chế.

1.5. Phun khử trùng phòng dịch: Hàng hóa được phun khử trùng phòng dịch tại kho của bên B hoặc/và tại kho của bên A theo phương án được hai bên thống nhất.

ĐIỀU 2: THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM, PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN VÀ KHỐI LƯỢNG THANH TOÁN.

2.1. Thời gian giao hàng: Hàng hóa được giao nhiều đợt, thời gian giao hàng và khối lượng từng đợt của mỗi loại, mỗi nhóm được quy định tại mục 1.4, điều 1 của Hợp đồng này theo thông báo cụ thể của bên A gửi cho bên B.

2.2. Địa điểm giao hàng: Giao hàng tại kho/bãi theo chỉ định của Bên A (Địa chỉ: xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam).

2.3. Phương thức giao nhận:

2.3.1. Bên A sẽ thông báo khối lượng hàng hóa, chủng loại hàng hóa cần cung cấp của từng đợt cho bên B.

2.3.2. Bên B có trách nhiệm thông báo đầy đủ, chính xác thời gian giao hàng để bên A có phương án tiếp nhận; trường hợp có thay đổi, bên B phải thông báo trước tối thiểu 01 ngày.

2.3.3. Khi hàng về đến nhà máy, trên phương tiện của bên B, bên A kiểm tra đánh giá sơ bộ (kích thước, chủng loại, tính nguy hại); Nếu hàng hóa đạt yêu cầu kiểm tra sơ bộ thì 2 bên tiến hành giao nhận. Trường hợp phát hiện trong hàng hóa có lẫn chất thải nguy hại, các vật liệu gây nổ, kích thước, chủng loại không đáp ứng yêu cầu, thì bên A có quyền từ chối nhận hàng.

2.3.4. Bên B bố trí người giao hàng tại kho NM XM Bút Sơn, dỡ hàng hóa ra khỏi bao/kiện, phun khử trùng lên toàn bộ hàng hóa, cắt ngắn bót hàng còn lẫn vải quá dài hoặc gỡ rối, cắt nhỏ hàng cuộn chặt, loại bỏ tạp chất, sắt thép, gạch đá, rác sinh hoạt... Nếu phát hiện lẫn rác thải sinh hoạt hoặc rác khác, hoặc chủng loại, kích thước khác với yêu cầu, bên B khắc phục ngay (mang ra khỏi nhà máy)

2.3.5. Lấy mẫu để làm nghiệm thu chính thức: Mẫu được lấy trong quá trình dỡ hoặc tập kết hàng theo hướng dẫn lấy mẫu của bên A. Bên A kiểm tra các chỉ tiêu theo mục 1.2, điều 1 của Hợp đồng này. Kết quả kiểm tra mẫu chính thức của phòng Thí nghiệm NM XM Bút Sơn là cơ sở để nghiệm thu chính thức. Chất lượng được tính bình quân toàn bộ lô hàng.

2.3.6. Bên A ủy quyền cho Chi nhánh Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM tại Hà Nam thực hiện giao nhận hàng hóa, đối chiếu và tiếp nhận hóa đơn GTGT để thanh toán tiền hàng với bên B và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng.

2.4. Khối lượng hàng giao nhận: Được tính căn cứ vào khối lượng hàng trên phương tiện bên B qua cầu cân của bên A chỉ định tại Công ty Cổ phần xi măng Vicem Bút Sơn.

2.5. Khối lượng hàng hóa thanh toán được xác định như sau:

2.5.1. Độ ẩm hàng hóa $W^{tp}_{tt} \leq 8\%$ thì khối lượng thanh toán được xác định theo công thức sau:

$$M = M_{tt} \times \frac{100 - W^{tp}_{tt}}{100}$$

Trong đó:

- M: Là khối lượng hàng hóa thanh toán (tương ứng với độ ẩm tính hàng 0%).
- M_{tt} : Là khối lượng thực tế giao nhận qua bàn cân của bên A (tương ứng với độ ẩm thực tế)
- W^{tp}_{tt} : Là độ ẩm thực tế (theo kết quả phân tích chất lượng hàng hóa của phòng Thí nghiệm bên A).

2.5.2. Nếu độ ẩm thực tế của hàng hóa $W^{tp}_{tt} > 8\%$ thì bên A có quyền từ chối nhận hàng. Trường hợp bên A chấp nhận nhập hàng, khối lượng thanh toán được quy về độ ẩm 0% theo công thức ở mục 2.5.1, khoản 2.5, điều 2 của hợp đồng và bên B bị giảm trừ 0,5% giá trị lô hàng.

2.6. Bên A sẽ chủ trì phối hợp cân khối lượng vỏ bao bì thu hồi, vật liệu khác lẫn trong hàng hóa, đơn vị cung cấp có thể nhận về theo từng đợt hoặc từng ngày trên xe giao hàng trong ngày; Khối lượng trả về được trừ vào khối lượng hàng hóa giao nhận của xe hàng này của nhà cung cấp.

ĐIỀU 3: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN.

3.1. Đơn giá:

Stt	Tên hàng hóa	Số lượng (tấn)	Đơn giá (đồng/tấn)	Thành tiền (đồng)
1	Rác công nghiệp loại 5			
	Cộng			
	Thuế GTGT 8%			
	Tổng Cộng			
(Bằng chữ:đồng)				

3.2. Phương thức thanh toán:

- Đồng tiền thanh toán: Bằng đồng tiền Việt Nam.
- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.
- Thanh quyết toán:

Hết tháng, hai Bên lập biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành toàn bộ hàng hóa giao trong tháng, đồng thời Bên B xuất hóa đơn GTGT Bên A.

Bên A sẽ thanh toán cho bên B trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán bản gốc gồm:

- + Công văn đề nghị thanh toán.
- + Biên bản xác định khối lượng, giá trị thanh toán hàng hóa qua cân nhà máy (phiếu qua cân nhà máy hàng ngày) được hai Bên ký xác nhận.
- + Hóa đơn GTGT.

3.3. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh.

3.4. Đơn giá thực hiện hợp đồng:

a). Đơn giá tại khoản 3.1 điều này là đơn giá ứng với các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại điều 1 của hợp đồng này.

b). Đối với hàng hóa có các chỉ tiêu kỹ thuật khác với điều 1 của hợp đồng này nhưng vẫn đáp ứng yêu cầu sản xuất của bên A thì sẽ được nghiệm thu, thanh toán theo điều 4 của hợp đồng này.

c). Đơn giá sẽ được điều chỉnh bằng phụ lục hợp đồng cho phù hợp với thực tế khi Nhà nước thay đổi chính sách về thuế, xăng dầu, tiền lương... và các chi phí hợp lý khác làm đơn giá thay đổi từ ±10% trở lên thì hai bên sẽ tiến hành đàm phán điều chỉnh giá.

d). Phương thức điều chỉnh giá được điều chỉnh theo công thức sau:

$$P_1 = P_0 + P_{\text{chênh lệch}}$$

Trong đó:

P_1 : Đơn giá mới.

P_0 : Đơn giá quy định tại hợp đồng hoặc đơn giá đang thực hiện.

$P_{\text{chênh lệch}}$: Phần tăng giảm của đơn giá.

ĐIỀU 4: NGHIỆM THU HÀNG HÓA.

4.1. Căn cứ vào kết quả mẫu chính thức của phòng Thí nghiệm Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn, nếu hàng hóa đạt tất cả các chỉ tiêu kỹ thuật như quy định tại khoản 1.2 điều 1 của hợp đồng này thì được nghiệm thu và thanh toán theo đơn giá được quy định tại khoản 3.1 điều 3 của hợp đồng này.

4.2. Căn cứ vào kết quả mẫu chính thức của phòng Thí nghiệm Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn, nếu hàng hóa có một hoặc nhiều chỉ tiêu kỹ thuật khác quy định tại khoản 1.2 điều 1 của hợp đồng này nhưng vẫn đáp ứng được yêu cầu sản xuất của bên A thì được nghiệm thu và thanh toán như sau:

4.2.1. Nhiệt trị Q_{tt}^k :

a) Nếu hàng hóa nhập có chỉ tiêu $4.000 \text{ Kcal/Kg} \leq Q_{tt}^k < 4.500 \text{ Kcal/Kg}$ thì khi thanh toán, bên A sẽ thanh toán theo đơn giá (Chưa bao gồm thuế GTGT) được xác định theo công thức dưới đây, đồng thời bên B bị giảm trừ tiếp 0,5% giá trị hàng hóa.

$$G_{tt} = \left(\frac{Q_{tt}^k}{4.500} \right) \times G_{cs} \text{ (đồng/tấn)}$$

Trong đó:

- G_{tt} : Là đơn giá thanh toán tương ứng với nhiệt trị toàn phần khô thực tế của hàng hóa.

- G_{cs} : Là đơn giá cơ sở, tương ứng với hàng hóa ở nhiệt trị 4.500 Kcal/Kg, tại khoản 3.1, điều 3 của hợp đồng này.

- Q_{tt}^k : Là nhiệt trị toàn phần khô xác định tại phòng Thí nghiệm của bên A để làm cơ sở cho thanh toán, được tính cho từng lô hàng.

b) Trường hợp hàng hóa có chỉ tiêu $Q_{tt}^k < 4.000 \text{ Kcal/Kg}$ thì bên A có quyền từ chối nhận hàng. Trường hợp chấp nhận nhập hàng thì khi thanh toán, bên A sẽ thanh toán cho bên B theo đơn giá được xác định theo công thức tại mục a, điểm 4.2.1.2, khoản 4.2, điều 4 của hợp đồng này, đồng thời giảm trừ tiếp 2% giá trị hàng hóa.

4.2.2. Lưu huỳnh chung khô:

Trường hợp khi cần thiết, bên A sẽ kiểm tra chỉ tiêu lưu huỳnh chung khô. Nếu khi kiểm tra, hàng hóa nhập có chỉ tiêu lưu huỳnh chung khô $> 3\%$ thì khi thanh toán, bên A sẽ thanh toán cho bên B giảm trừ 0,5% giá trị lô hàng.

4.2.3. Hàm lượng Cl⁻:

Trường hợp khi cần thiết, bên A sẽ kiểm tra chỉ tiêu hàm lượng Cl⁻. Nếu khi kiểm tra, hàng hóa nhập có chỉ tiêu Hàm lượng Cl⁻ $> 3\%$ thì khi thanh toán, bên A sẽ thanh toán cho bên B giảm trừ 0,5% giá trị lô hàng.

4.2.4. Kích thước hàng hóa: Nếu hàng hóa nhập có chỉ tiêu kích thước hàng hóa khác quy định tại khoản 1.2 điều 1 của hợp đồng này thì bên A có quyền từ chối nhập hàng. Trường hợp bên A chấp nhận nhập hàng thì bên B phải gia công tại chỗ cho đến kích thước theo quy định của bên A và khi thanh toán, bên A sẽ thanh toán cho bên B giảm trừ 0,5% giá trị lô hàng. Trường hợp bên B không gia công tại chỗ cho đến kích thước theo quy định của bên A mà bên A chấp nhận nhập hàng thì khi thanh toán, bên A sẽ thanh toán cho bên B giảm trừ 1% giá trị lô hàng.

4.3. Khi có tranh chấp về các chỉ tiêu kỹ thuật của hàng hóa thì hai bên sẽ tiến hành lập biên bản và lấy mẫu lưu để thí nghiệm tại bên thứ 3. Kết quả thí nghiệm của

bên thứ 3 là kết quả hai bên phải công nhận. Chi phí thí nghiệm tại bên thứ 3 do bên đề nghị thí nghiệm chi trả.

ĐIỀU 5. XỬ LÝ VI PHẠM HỢP ĐỒNG VÀ BẤT KHẢ KHÁNG

5.1. Trong trường hợp bên B giao hàng hóa không đúng yêu cầu của Hợp đồng và bên A không chấp nhận nhập hàng thì bên B phải giao ngay lô hàng khác theo đúng yêu cầu chủng loại và tiêu chuẩn kỹ thuật trong thời gian không quá 02 ngày (kể từ ngày bên A không chấp nhận nhập hàng)

5.2. Bồi thường thiệt hại: Nếu một trong hai bên không thực hiện trách nhiệm được quy định trong hợp đồng này dẫn đến thiệt hại kinh tế cho bên kia, thì Bên vi phạm phải chịu bồi thường toàn bộ giá trị thiệt hại đó cho bên bị thiệt hại.

5.3. Bất khả kháng

a) Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản (hoặc hình thức khác phù hợp nhất có thể) cho Bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ kể từ thời điểm xảy ra sự kiện bất khả kháng để hai Bên cùng xem xét;

b) Trong khoảng thời gian không thể thực hiện Hợp đồng do điều kiện bất khả kháng, Bên B theo hướng dẫn của Bên A vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng. Sau khi kết thúc tình trạng bất khả kháng, Hợp đồng sẽ tiếp tục được thực hiện trừ khi có thỏa thuận khác;

ĐIỀU 6. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA CÁC BÊN.

6.1. Trách nhiệm và quyền hạn của bên B:

6.1.1. Bên B cam kết chuẩn bị đầy đủ số lượng hàng hóa theo hợp đồng này để cung cấp đáp ứng tiến độ, đúng chủng loại, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật như quy định của hợp đồng này.

6.1.2. Cử đại diện đến nơi dỡ hàng để làm các thủ tục giao nhận hàng hóa, xác định khối lượng hàng giao, lấy mẫu phân tích. Phối hợp cùng Bên A giải quyết các phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có).

6.1.3. Chấp hành nghiêm chỉnh các nội quy quy định của bên A và phải chịu sự điều phối của bên A khi giao nhận hàng. Chịu mọi trách nhiệm về an toàn lao động cho người và phương tiện của mình trong suốt quá trình triển khai công việc.

6.1.4. Chịu trách nhiệm trước cơ quan pháp luật về nguồn gốc, xuất xứ của hàng hóa cung cấp cho Bên A; Cung cấp các chứng từ cần thiết đảm bảo tính pháp lý của chất lượng, xuất xứ, tính không nguy hại của hàng hóa cung cấp cho bên A (Khi cần). Hồ sơ chứng minh do hai bên thống nhất với nhau.

6.1.5. Phương tiện vận chuyển hàng hóa của Bên B phải có bạt che phủ để đảm bảo vệ sinh môi trường và đủ điều kiện kỹ thuật an toàn, chấp hành các quy định của Pháp luật và quy định của Bên A về giao nhận hàng hóa, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy và vệ sinh môi trường.

6.1.6 Bên B cam kết không khai thác, cung cấp hàng hóa đến những thị trường mà bên A đang khai thác, cung cấp.

6.2. Trách nhiệm và quyền hạn của bên A:

6.2.1. Có trách nhiệm cử cán bộ kỹ thuật cùng bên B lấy mẫu kiểm tra sơ bộ trước khi làm các thủ tục nhập hàng; tiếp nhận và nghiệm thu hàng hóa do Bên B cung cấp; Phối hợp cùng Bên B giải quyết phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có);

6.2.2. Có quyền từ chối không nhận hàng nếu bên B giao hàng không đúng chủng loại, không đáp ứng chỉ tiêu kỹ thuật theo quy định của Hợp đồng, không đáp ứng yêu cầu về tiến độ, số lượng theo đơn đặt hàng của bên A; Có quyền không nhập đủ số lượng hàng đã ký hợp đồng và không phải chịu trách nhiệm bồi thường cho bên B trong trường hợp này.

6.2.3. Có quyền mời đơn vị khác cung cấp hàng hóa thay thế hàng hóa do bên B cấp trong trường hợp bên B giao hàng không đáp ứng tiến độ giao hàng hoặc giao hàng hóa không đúng các chỉ tiêu kỹ thuật của bên A và không đáp ứng với yêu cầu sản xuất.

6.2.4. Thanh toán cho bên B theo quy định của Hợp đồng.

ĐIỀU 7. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP.

Mọi tranh chấp phát sinh từ việc thực hiện Hợp đồng sẽ được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải giữa Các Bên. Nếu việc thương lượng, hòa giải không đạt kết quả thì tranh chấp sẽ được đưa ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng và có hiệu lực thi hành với Các Bên. Bên có lỗi theo phán quyết của Tòa án có trách nhiệm chi trả mọi chi phí tố tụng.

ĐIỀU 8. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG.

8.1. Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày hai bên ký và đóng dấu đến hết ngày 31/12/2024. Khi Hợp đồng hết thời gian hiệu lực, mỗi Bên đều phải có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ còn lại tồn đọng, chưa thực hiện của mình theo các điều khoản của Hợp đồng.

8.2. Hợp đồng này có thể chấm dứt trong những trường hợp sau:

- a) Theo thỏa thuận bằng văn bản được Hai Bên ký kết;
- b) Bên A hoặc Bên B không thực hiện những nội dung công việc theo Hợp đồng;
- c) Bên A, Bên B bị phá sản;

d) Một trong Các Bên không thể tiếp tục thực hiện Hợp đồng do những nguyên nhân bất khả kháng. Trường hợp này Bên không thể tiếp tục thực hiện Hợp đồng phải thực hiện đầy đủ phần nghĩa vụ cho những công việc đã được thực hiện cho đến khi Các Bên thống nhất được về việc chấm dứt Hợp đồng.

8.3. Trong trường hợp chấm dứt Hợp đồng theo điểm b khoản 8.2 điều này, bên vi phạm phải chịu trách nhiệm bồi thường cho những chi phí vượt trội so với đơn giá và khối lượng đã ký đối với phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm này.

8.4. Trong trường hợp Bên A hoặc Bên B chấm dứt hợp đồng theo điểm c khoản 8.2 điều này thì sẽ giải quyết theo quy định của luật phá sản và những quy định có liên quan.

8.5. Hai bên thực hiện xong các công việc theo quy định, hoàn thành mọi nghĩa vụ của hợp đồng này và không có khiếu nại gì bằng văn bản thì hợp đồng được coi là tự động thanh lý hoặc hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng.

ĐIỀU 9. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.

9.1. Các Bên cam kết đã đọc kỹ, hiểu rõ toàn bộ nội dung của Hợp đồng này và hoàn toàn tự nguyện ký kết cũng như cam kết thực hiện đúng, đầy đủ quyền, nghĩa vụ và các điều khoản trong Hợp đồng.

9.2. Không Bên nào được tự ý sửa đổi, thay đổi hoặc bổ sung bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng này trừ khi có sự đồng ý của cả Hai Bên và lập thành Phụ lục Hợp đồng. Phụ lục Hợp đồng phải có đầy đủ con dấu và chữ ký của người đại diện mỗi Bên.

9.3. Bảo mật thông tin: Hai Bên cùng cam kết sẽ không tiết lộ thông tin của Hợp đồng này cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào mà có thể gây thiệt hại về tài chính, thương hiệu, uy tín cho Bên còn lại ngoại trừ những trường hợp bắt buộc phải cung cấp theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc nhằm mục đích thực hiện Hợp đồng này hoặc có lợi cho Bên còn lại.

9.4. Hợp đồng sẽ vẫn còn giá trị ràng buộc thực hiện giữa Hai Bên nếu có sự thay đổi người đại diện theo pháp luật của mỗi Bên hay việc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, mua bán, sáp nhập doanh nghiệp mà mỗi Bên thực hiện sau khi Hợp đồng có hiệu lực.

9.5. Hợp đồng được lập thành 06 (sáu) bản tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 03 (ba) bản, Bên B giữ 03 (ba) bản để thực hiện./.

**ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC**

**ĐẠI DIỆN BÊN A
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Trịnh Công Giang